TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14 /8/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa pH tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

Thư ký pH tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia pH tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2017/QĐXXST-DS ngày 02/7/2018; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1990; Cư trú: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; Cư trú: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà và ông H tổ chức đám cưới năm 2016, hôn nhân được xác trên cơ sở tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp nhận, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Từ lúc chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp tính tình, thường xuyên cự cãi, ông H không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu đến khuya mới về. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến tháng 02/2018 thì ly thân.

Hiện nay bà không còn tình cảm với ông H nên làm đơn khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông H trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của bà N. Ông không đồng ý ly hôn do cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, bản thân ông cũng đi làm lo cho gia đình, thu nhập thì cũng đưa cho vợ, không có cự cãi với nhau. Ông cũng nhiều lần hàn gắn với tình cảm với bà N nhưng bà N không quan tâm đến ông, hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, cuộc sống vẫn bình thường.

Tại phiên hòa giải, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông H vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, ông thừa nhận có uống rượu nhưng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, ông đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm với bà N nhưng do bà N không chịu hàn gắn và không đồng ý chung sống với ông nên tình cảm vợ chồng mới có thuẫn như ngày hôm nay. Do còn tình cảm với bà N nên ông không đồng ý ly hôn.

Về chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân của bà N và ông H được bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thu X cung cấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông H là do tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân, trong quá trình chung sống thì cũng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là ông H thường hay uống rượu, đi sớm về khuya rồi hai người cự cãi nên phát sinh mâu thuẫn, hiện nay cũng không thấy vợ chồng bà N, ông H chung sống với nhau nữa.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, hòa giải. tại pH tòa Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, Thư ký có phổ biên đầy đủ nội quy phiên tòa. Đối với người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, ông H vắng mặt không có lý do nên được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông là đúng pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà N với ông H có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân nên bà N xin ly hôn. Qua các chứng

cứ thể hiện mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà N. Về con chung, tài sản chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Ông H có nơi cư trú tại ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Ông H vắng mặt mặc dù đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Hôn nhân của bà N, ông H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do trong đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Mặc dù ông H không đồng ý ly hôn với lý do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không có nghiêm trọng, ông còn thương vợ và hiện vợ chồng vẫn còn sống chung với nhau, tuy nhiên căn cứ lời trình bày của các đương sự và người làm chứng xác định cuộc sống hôn nhân của bà N và ông H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thiếu quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên rượu chè mặc dù bà N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H không khắc phục sửa đổi bản thân làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể tiếp tục kéo dài, điều này được bản thân ông H thừa nhận do tính chất công việc nên đôi lúc có uống nhiều rượu, đi sớm về khuya. Ông cũng cho biết từ sau khi bà N nộp đơn ly hôn thì hai người còn chung sống với nhau và đến thời điểm hiện tại thì bà N cũng không có ý muốn chung sống lại. Từ đó có thể thấy mâu thuẫn trong hôn nhân của bà N, ông H đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục kéo dài, các bên không còn qua tâm chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Các đương sự xác định không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà N xác định không có nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này ông, bà có yêu cầu phân chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 26

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn H được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số 0002927 ngày 17/4/2018.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại pH tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa pH tòa

**** Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND TT Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo